



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05880/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1966.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 20/06/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Nước thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vị trí lấy mẫu : **25.1966.NT1:** Nước thải tại hồ ga sau hệ thống xử lý

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Điều kiện tiếp nhận nước thải của KCN Mỹ Xuân A2
				25.1966.NT1	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,83	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	7	100
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	17	50
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	42	150
5	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	54	150
6	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	1.087,9	-
7	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (LOD=0,02)	0,5
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	2,2	10
9	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,02	0,1
10	Crom III (Cr ³⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	1,0
11	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,452	5
12	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	1,361	3
13	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	-
14	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	10
15	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	6,2	40





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Điều kiện tiếp nhận nước thải của KCN Mỹ Xuân A2
				25.1966.NT1	
16	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (LOD=0,01)	6
17	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	170	5.000
18	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)	0,5
19	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,1
20	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,5
21	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,1
22	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,01
23	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,051	0,5
24	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,772	1
25	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	2

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05850/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1932.KT10 25.1932.13-14
----------------------------------	---	---

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 19/06/2025
Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Vị trí lấy mẫu : **25.1932.KT13:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay nhỏ số 1 & 2 SPS - 1
25.1932.KT14: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay nhỏ số 3 & 4 SPS - 2
25.1932.KT10: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay lớn số 1 SPM - 1

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1932. KT13	25.1932. KT14	25.1932. KT10	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/N m ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/N m ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-butyl acetate ^(b)	mg/N m ³	CEN/TS 13649:2014	0,548	0,582	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05852/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1932.KT6-8
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 19/06/2025
Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Vị trí lấy mẫu : **25.1932.KT6:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 2 SPL 02 - A
25.1932.KT7: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 3 SPL 03 - A
25.1932.KT8: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 4 SPL 04 - A

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1932.KT6	25.1932.KT7	25.1932.KT8	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	0,271	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05853/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1932.KT9,11, 25.1932.KT12
----------------------------------	---	---

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 19/06/2025
Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Vị trí lấy mẫu : **25.1932.KT9:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy
phun sơn tự động số 5 SPL 05 - A
25.1932.KT11: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy
phun sơn tay lớn số 2 SPM - 2
25.1932.KT12: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy
phun sơn tay lớn số 3 SPM - 3

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1932.KT9	25.1932.KT11	25.1932.KT12	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	2,5	2,3	0,559	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05854/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1932.KT3-4
----------------------------------	---	--------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 19/06/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV). Loại mẫu : Khí thải**
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vị trí lấy mẫu : **25.1932.KT3: Tại ống thoát khí thải từ hệ thống thu gom bụi da của quá trình mài da 1**
25.1932.KT4: Tại ống thoát khí thải từ hệ thống thu gom bụi da của quá trình mài da 2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT
				25.1932.KT3	25.1932.KT4	Cột B
1	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	11,6	10,8	160
2	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	31.131	13.352	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05851/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1932.KT1,2,5
----------------------------------	---	--

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 19/06/2025
Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Vị trí lấy mẫu : **25.1932.KT1:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò hơi
25.1932.KT2: Tại ống thoát khí thải của 02 hệ thống XLKT máy sấy bùn thải + 01 hệ thống
XLKT khu nhà để máy ép bùn và máy sấy bùn (đầu nối chung)
25.1932.KT5: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động
số 1 SPL 01 - A

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1932.KT1	25.1932.KT2	25.1932.KT5	Cột B	Nồng độ tối đa
1	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	53,8	24,2	-	160	-
2	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	28,9	-	-	800	-
3	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	149,1	-	-	680	-
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	53,3	-	-	400	-
5	O ₂ ^(b)	%	QTKT.02/LAET	14,81	-	-	-	-
6	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	28.893	15,786	-	-	-
7	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	-	2,17	-	6	-
8	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	-	5,84	KPH (LOD=1)	40	-
9	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	-	-	KPH (LOD=0,5)	-	980





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1932.KT1	25.1932.KT2	25.1932.KT5	Cột B	Nồng độ tối đa
10	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	-	-	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
3. QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
4. Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
5. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
6. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
7. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
8. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
9. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05875/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1966.KT2 25.1966.KT5 25.1966.KT14
---------------------------	---	--

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 20/06/2025
Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Vị trí lấy mẫu : **25.1966.KT5:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay nhỏ số 5 & 6 SPS - 3
25.1966.KT14: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 4 SPM - 4
25.1966.KT2: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 5 SPM - 5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1966.KT5	25.1966.KT14	25.1966.KT2	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	2,05	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05876/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1966.KT3 25.1966.KT4 25.1966.KT6
---------------------------	---	---

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 20/06/2025
Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Vị trí lấy mẫu : **25.1966.KT3:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay lớn số 6 SPM - 6
25.1966.KT4: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay lớn số 7 SPM - 7
25.1966.KT6: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay nhỏ số 7 & 8 SPS - 4

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1966.KT3	25.1966.KT4	25.1966.KT6	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05877/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1966.KT1 25.1966.KT7-8
---------------------------	---	--

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 20/06/2025
Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Vị trí lấy mẫu : **25.1966.KT1:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động số 6 SPL 06 - A
25.1966.KT7: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động số 7 SPL 07 - A
25.1966.KT8: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động số 8 SPL 08 - A

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1966.KT1	25.1966.KT7	25.1966.KT8	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05878/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1966.KT9-11
---------------------------	---	--------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 20/06/2025
Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Vị trí lấy mẫu : **25.1966.KT9:** Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động số 9 SPL 09 - A
25.1966.KT10: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động số 10 SPL 10 - A
25.1966.KT11: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động số 11 SPL 11 - A

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1966.KT9	25.1966.KT10	25.1966.KT11	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05879/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1966.KT12 25.1966.KT13
---------------------------	---	--

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Ngày lấy mẫu : 20/06/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.1966.KT12: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 12 SPL 12 - A

25.1966.KT13: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 13 SPL 13 - A

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1966.KT12	25.1966.KT13	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	1,26	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-butyl acetate ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



T.S. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05959/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2009.KT1-3
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 21/06/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vị trí lấy mẫu : **25.2009.KT1:** Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 14 SPL 14-A
25.2009.KT2: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 9 SPM -9
25.2009.KT3: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 10 SPM -10

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.2009.KT1	25.2009.KT2	25.2009.KT3	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	1,88	1,57	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-Butyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05960/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2009.KT4-6
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG Ngày lấy mẫu : 21/06/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV). Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vị trí lấy mẫu : **25.2009.KT4:** Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 11 SPM -11
25.2009.KT5: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay nhỏ số 9&10 SPS - 5
25.2009.KT6: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay nhỏ số 11&12 SPS - 6

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.2009.KT4	25.2009.KT5	25.2009.KT6	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-Butyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05961/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2009.KT7-9
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 21/06/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vị trí lấy mẫu : **25.2009.KT7:** Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 15 SPL 15-A
25.2009.KT8: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 16 SPL 16-A
25.2009.KT9: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 17 SPL 17-A

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.2009.KT7	25.2009.KT8	25.2009.KT9	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	1,58	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-Butyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05962/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2009.KT10-12
---------------------------	---	---------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 21/06/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vị trí lấy mẫu : **25.2009.KT10:** Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động số 18 SPL 18-A
25.2009.KT11: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động số 19 SPL 19-A
25.2009.KT12: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động số 20 SPL 20-A

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.2009.KT10	25.2009.KT11	25.2009.KT12	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	2,04	1,03	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-Butyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05963/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2009.KT13-14
---------------------------	---	---------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG** Ngày lấy mẫu : 21/06/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH PRIME ASIA (VIỆT NAM) (PAV).** Loại mẫu : Khí thải
Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, Phường Mỹ Xuân,
Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vị trí lấy mẫu : **25.2009.KT13:** Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tự động số 21 SPL 21-A
25.2009.KT14: Tại Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn
tay lớn số 8 SPM -8

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.2009.KT13	25.2009.KT14	Cột B	Nồng độ tối đa
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40	-
2	n-Propanol ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-	980
3	n-Butyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	KPH (LOD=0,25)	-	950

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Cột B: Kp=0,8 và Kv=1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền